TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HS-ST
Ngày: 05-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiển

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị N – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 07 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố H2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

LÊ THỊ T; Giới tính: Nữ; Năm sinh: 1965; Nơi sinh: Thành phố H2; Hộ khẩu thường trú: Không có; Nơi ở: Khu nhà trọ 219 – ĐT4, tổ 30, ấp N1, xã D, huyện H2, Thành phố H2; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hoàng P2 và bà Nguyễn Thị T1.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

Ngày 02/02/1994, Bị Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H2 xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" theo Bản án số 22/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2023.

(Bị cáo T có mặt)

Bị hại: Bà Thiềm Thị Thanh T2, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 148/22 đường N2, phường N3, Quận M, Thành phố H2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1. Ông Ngô Ngọc C, sinh năm 1959. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 473/3 đường H3, Phường V, Quận 3, Thành phố H2.

2. Bà Lê Thị B1, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 473/3 đường H3, Phường V, Quận 3, Thành phố H2.

3. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 789/16 đường T3, phường T4, quận T5, Thành phố H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 20/11/2017, bị hại Thiềm Thị Thanh T2 đến căn tin trường đại học F số 391A đường N4, Phường V, Quận 3, Thành phố H2 để dọn hàng chuẩn bị buôn bán và để 01 (một) túi vải màu đỏ kích thước 05x05cm, bên trong đựng nữ trang trên bàn kế bên bếp ga. Đến 06 giờ 20 phút cùng ngày, bị cáo Lê Thị T vào phụ giúp việc cho bị hại T2. Trong lúc làm việc, bị cáo T bưng tô từ bếp ra chỗ rửa chén thì thấy túi vải màu đỏ nên mở ra xem thì thấy bên trong có 01 (một) vòng đeo tay, 01 (một) dây chuyền, 01 (một) mặt dây chuyền vàng. Bị cáo T biết số nữ trang này là của người giúp việc căn tin nên nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài nên cất vào túi. Sau đó, bị cáo T gọi điện thoại cho anh rể là ông Ngô Ngọc C đến khu vực gầm cầu Công Lý để gặp bị cáo T có việc. Khi ông C đến chỗ hẹn gặp bị cáo T thì bị cáo T đưa túi vải nữ trang nhờ ông C đem về nhà cất giùm. Ông C có hỏi bị cáo T trong túi vải có gì thì bị cáo T không nói ông C biết và nói cứ đem về nhà cất giùm, chiều bị cáo T về lấy rồi bị cáo T quay lại căn tin trường F để làm việc. Trên đường về, ông C mở túi vải ra xem thì thấy có nữ trang nên vứt bỏ túi vải rồi đem số nữ trang về nhà đưa cho vợ là bà Lê Thị B1 (chị ruột bị cáo T) và nói của bị cáo T nhờ cất giùm nên bà B1 đem số nữ trang cất giữ giúp.

Trong quá trình bị cáo T đem số nữ trang ra gặp ông C, bị hại T2 phát hiện mất túi nữ trang và không thấy bị cáo T nên hỏi nhân viên bảo vệ là ông Nguyễn Thanh Sơn thì ông Sơn nói thấy bị cáo T đi bộ ra hướng cầu Công Lý. Khoảng 10

phút sau bị cáo T quay lại căn tin, bị hại T2 hỏi bị cáo T có lấy túi vải đựng nữ trang không thì trả lại nhưng bị cáo T không thừa nhận nên bị hại T2 đến Công an Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố H2 trình báo.

Qua đấu tranh, bị cáo Lê Thị T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và bà Lê Thị B1 đã giao nộp số nữ trang do bị cáo T trộm cắp của bị hại T2. Ngày 29/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3 tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can và lệnh bắt bị can để tạm giam đối với bị cáo Lê Thị T nhưng do bị cáo T bỏ đi khỏi địa phương nên ngày 26/7/2018 Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã đối với bị cáo T, khi hết thời hạn điều tra thì ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can. Đến ngày 15/12/2023, bị cáo T bị bắt theo quyết định truy nã và thu giữ 01 (một) chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Y có dán ảnh của bị cáo T.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3, bị cáo Lê Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, bị cáo T khai đối với chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Y là do bị cáo T nhặt được khoảng 01 (một) – 02 (hai) năm trước và dán ảnh của mình vào để sử dụng đi lại vì từ nhỏ đã không có chứng minh nhân dân chứ không nhằm mục đích gì khác. Bị cáo T cũng không biết mình bị truy nã. Đồng thời, qua xác minh lai lịch của bà Nguyễn Thị Y kết quả đã bán nhà đi khỏi địa phương từ lâu, không rõ ở đâu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 06/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 3 kết luận: Vào thời điểm tháng 11/2017, 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim có gắn đá màu đỏ, có trong lượng 0,480 chỉ, hàm lượng vàng 73,82% có giá 1.258.560 (một triệu hai trăm năm mươi T ngàn năm trăm sáu mươi) đồng; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài khoảng 50cm, có trọng lượng 0,964 chỉ, hàm lượng vàng 66,65% có giá 2.281.788 (hai triệu hai trăm T mươi mốt ngàn bảy trăm T mươi T) đồng; 01 (một) vòng tay bằng kim loại màu vàng, có gắn đá màu trắng, trọng lượng 2,568 chỉ, hàm lượng vàng 61,27% có giá 5.587.968 (năm triệu năm trăm T mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi T) đồng. Tổng trị giá là 9.128.316 (chín triệu một trăm hai mươi T ngàn ba trăm mười sáu) đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim có gắn đá màu đỏ; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài khoảng 50cm; 01 (một) vòng tay bằng kim loại màu vàng, có gắn đá màu trắng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Thiềm Thị Thanh T2.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 024934065, cấp ngày 29/7/2013, tên Nguyễn Thị Y.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Thiềm Thị Thanh T2 đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKS-Q3 ngày 27/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà,

Bị cáo *Lê Thị T* có lời khai phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Lời sau cùng: Bị cáo T mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội về sớm với cháu nội.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an Quận 3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Lê Thị T phạm tội vào ngày 20/11/2017 trước thời điểm ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có các quy định có lợi cho người phạm tội do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo.

[2] Khoảng 06 giờ ngày 20/11/2017, tại căn tin trường đại học F số 391A đường N4, Phường V, Quận 3, Thành phố H2, bị cáo Lê Thị T trong lúc bưng tô từ bếp ra chỗ rửa chén thì thấy túi vải màu đỏ nên mở ra xem thì thấy bên trong có 01 (một) vòng đeo tay, 01 (một) dây chuyền, 01 (một) mặt dây chuyền vàng. Bị cáo T biết số nữ trang này là của một trong những người giúp việc căn tin nên nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài nên lén lút cất vào túi. Sau đó, bị cáo T gọi điện thoại cho anh rể là ông Ngô Ngọc C đến khu vực gầm cầu Công Lý và đưa túi vải nữ trang nhờ ông C đem về nhà cất giùm.

Bị hại T2 hỏi bị cáo T có lấy túi vải đựng nữ trang không thì trả lại nhưng bị cáo T không thừa nhận nên bị hại T2 đến Công an Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố H2 trình báo. Qua đấu tranh, bị cáo Lê Thị T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và bà Lê Thị B1 đã giao nộp số nữ trang do bị cáo T trộm cắp của bị hại T2.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 06/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 3 kết luận: Vào thời điểm tháng 11/2017, 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim có gắn đá màu đỏ, có trong lượng 0,480 chỉ, hàm lượng vàng 73,82% có giá 1.258.560 (một triệu hai trăm năm mươi T ngàn năm trăm sáu mươi) đồng; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài khoảng 50cm, có trọng lượng 0,964 chỉ, hàm lượng vàng 66,65% có giá 2.281.788 (hai triệu hai trăm T mươi mốt ngàn bảy trăm T mươi T) đồng; 01 (một) vòng tay bằng kim loại màu vàng, có gắn đá màu trắng, trọng lượng 2,568 chỉ, hàm lượng vàng 61,27% có giá 5.587.968 (năm triệu năm trăm T mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi T) đồng. Tổng trị giá là 9.128.316 (chín triệu một trăm hai mươi T ngàn ba trăm mười sáu) đồng.

[3] Bị cáo T có năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên có lỗi cố ý.

[4] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, cần xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo Lê Thị T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim có gắn đá màu đỏ; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài khoảng 50cm; 01 (một) vòng tay bằng kim loại màu vàng, có gắn đá màu trắng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Thiềm Thị Thanh T2.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 024934065, cấp ngày 29/7/2013, tên Nguyễn Thị Y trả lại cho bà Yến.

[9] Đối với ông Ngô Ngọc C và bà Lê Thị B1 có hành vi cất giữ số nữ trang giúp bị cáo T, do ông C và bà B1 không biết tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý hình sự về hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với việc bị cáo T sử dụng chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Y có thay ảnh của bị cáo T sử dụng mục đích cá nhân, do không sử dụng vào mục đích trái pháp luật nên không có căn cứ để xử lý hình sự về các hành vi sửa chữa tài liệu của cơ quan, tổ chức.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 173, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2023.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Y 01 (một) chứng minh nhân dân số 024934065, cấp ngày 29/7/2013. (Theo biên bản bàn giao nhận tang tài vật số 89/BB/2024 ngày 19/06/2024).

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Lê Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- VKSND Quận 3;
- VKSND TP. HCM;

- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Công an Quận 3;
- PC53 - CATP.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hoài Nam Phương